

THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH DÂN TỘC Ở TỈNH ĐẮK LẮK GIAI ĐOẠN 2014 - 2024: THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP

VĂN NAM THẮNG

Tóm tắt: Thực hiện chính sách dân tộc của Đảng, Nhà nước ở tỉnh Đắk Lắk trong 10 năm qua (2014 - 2024) đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng, tạo ra bước tiến đáng kể về kinh tế, văn hóa - xã hội. Nền kinh tế của tỉnh tiếp tục duy trì được tốc độ phát triển, những giá trị văn hóa truyền thống được bảo tồn và phát huy, trật tự an toàn xã hội được đảm bảo, nhiều vấn đề an sinh xã hội được quan tâm và tăng cường,... Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, vẫn còn những khó khăn, hạn chế cản trở sự phát triển bền vững của tỉnh như tỉ lệ hộ nghèo dân tộc thiểu số còn cao, mức độ thụ hưởng văn hóa còn thấp,... Bài viết này thông qua việc phân tích những nhân tố tác động để đánh giá thực trạng của quá trình thực hiện chính sách dân tộc tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2014 - 2024, từ đó đề xuất một số giải pháp thực hiện chính sách dân tộc hiệu quả.

Từ khóa: chính sách dân tộc, dân tộc thiểu số, Đắk Lắk

IMPLEMENTATION OF ETHNIC POLICY IN DAK LAK PROVINCE FROM 2014 TO 2024: CURRENT SITUATION AND SOLUTIONS

Abstract: The implementation of the ethnic policy of the Communist Party and State of Vietnam in Dak Lak province in the past 10 years (2014 - 2024) has achieved many important achievements, creating significant progress in terms of economy, culture, political stability and social security. The province's economy continues to maintain its growth rate, traditional cultural values are preserved and promoted, social order and safety are guaranteed, many social welfare issues are concerned and strengthened... However, besides the important achievements, there are still difficulties and limitations that hinder the sustainable development of the province such as the high rate of poor ethnic minority households, low level of cultural enjoyment.... This article, through analyzing the influencing factors, assesses the current status of the implementation of ethnic policies in Dak Lak province in the period of 2014 - 2024, thereby drawing some solutions to effectively implement ethnic policies.

Keywords: ethnic policy, ethnic minorities, Dak Lak

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Đắk Lắk là tỉnh nằm ở trung tâm của khu vực Tây Nguyên, có vị trí địa lý đặc biệt quan trọng về an ninh, chính trị, kinh tế, văn hóa - xã hội và quốc phòng. Đắk Lắk có quy mô dân số lớn nhất (khoảng 1,9 triệu người), số lượng dân tộc nhiều nhất khu vực Tây Nguyên (với 49 dân tộc). Tỉnh luôn phấn đấu để “trở thành trung tâm kinh tế, văn hóa, xã hội của vùng Tây Nguyên” [9].

Trong thời kì đổi mới, đặc biệt trong 10 năm gần đây (2014 - 2024), chính sách dân tộc (CSDT) đã rất được chú trọng thực hiện. Vì vậy, quá trình thực hiện CSDT ở Đắk Lắk trong giai đoạn 2014 - 2024 đã đạt được nhiều thành tựu đáng ghi nhận: đời sống của người dân, nhất là các dân tộc thiểu số (DTTS) đã có những thay đổi đáng kể, văn hóa xã hội được nâng cao, an ninh quốc phòng được giữ vững. Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, vẫn còn những

hạn chế nhất định, cản trở sự phát triển bền vững của tỉnh: *Thứ nhất*, nhận thức về CSDT trong nhân dân và cán bộ công chức chưa được tiếp cận đầy đủ và quan tâm đúng mức; *Thứ hai*, một số đối tượng thù địch phản động vẫn lợi dụng vấn đề tộc người để tuyên truyền chống phá, nhằm gây tâm lý dân tộc cực đoan; *Thứ ba*, công tác sử dụng cán bộ người DTTS vẫn chưa đạt kết quả như mong đợi; *Thứ tư*, sự phát triển nhanh số lượng tín đồ các tôn giáo trong vùng DTTS những năm qua cũng gây ra những hệ lụy gây mất trật tự an toàn xã hội.

2. CƠ SỞ DỮ LIỆU VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Cơ sở dữ liệu

Bài báo sử dụng tư liệu từ các công trình nghiên cứu của các cơ quan, tác giả về vấn đề dân tộc, chính sách dân tộc ở nước ta nói chung, như Học viện Dân tộc, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Ủy ban Dân tộc, Hội đồng Dân tộc của Quốc hội,...

Tài liệu và số liệu của các nhà khoa học, các cơ quan như Ban Chỉ đạo Tây Nguyên, các sở, ban ngành của tỉnh Đắk Lắk có tính tin cậy cao.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

(1) *Phương pháp thu thập tài liệu, thống kê, phân tích tổng hợp*: được sử dụng để xác định đối tượng, nội dung và dạng thông tin phải thu thập có liên quan đến bài báo như: điều kiện tự nhiên - tài nguyên thiên nhiên, kinh tế - xã hội (KT - XH); thực hiện CSDT ở tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2014 - 2024. Những tài liệu sau khi thu thập, xử lý được phân tích, so sánh.

(2) *Phương pháp điền dã*: Tác giả tiến hành điền dã ở các địa điểm nghiên cứu nhằm thu thập thông tin và nhận định, miêu tả, ghi chép. Đồng thời, chụp ảnh, phỏng vấn các già làng, người có uy tín và các trưởng thôn buôn, chính quyền xã trong việc thực hiện và thụ hưởng CSDT.

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN

3.1. Những nhân tố tác động đến thực hiện chính sách dân tộc tỉnh Đắk Lắk

3.1.1. Điều kiện tự nhiên và dân cư

Tỉnh Đắk Lắk có diện tích tự nhiên là 13.125,37 km², với 15 đơn vị hành chính cấp huyện, 165 đơn vị hành chính cấp xã, 2.129 thôn, buôn, tổ dân phố. Đây là vùng đất giàu tiềm năng về tài nguyên thiên nhiên, điều kiện thời tiết khí hậu thuận lợi, có quỹ rừng tự nhiên rộng lớn,... Đắk Lắk là vùng có sức hấp dẫn đặc biệt để phát triển du lịch.

Tuy nhiên, địa hình chia cắt và đất đai manh mún lại là vấn đề gây trở ngại, khó khăn trong phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS và thực hiện CSDT tỉnh Đắk Lắk, nhất là ở các huyện biên giới như Buôn Đôn, Ea Súp, M'Đrăk, Krông Bông, Lắk,...

Đến năm 2024, dân số toàn tỉnh có hơn 1,9 triệu người, mật độ dân số đạt 148 người/km², với 49 dân tộc, trong đó dân tộc Kinh chiếm 65,63%, các DTTS chiếm 34,37% tổng dân số [5]. Đắk Lắk có 10 DTTS tại chỗ sử dụng các ngôn ngữ thuộc 2 ngữ hệ Nam Á và Nam Đảo, các dân tộc thuộc ngữ hệ Nam Á (nhóm Môn-Khmer) là: Bana, Xơđăng, Giê-Triêng, Mnông, Mạ, Coho; các dân tộc thuộc ngữ hệ Nam Đảo (Malayo-Polinesien) là: Giarai, Êđê, Churu, Raglai. Các DTTS cư trú lâu đời ở Đắk Lắk tuy không cư trú thành những khu vực riêng biệt nhưng thường tập trung số lượng đông tại một địa bàn nhất định: người Êđê cư trú chủ yếu ở thành phố Buôn Ma Thuột và các huyện Krông Ana, Krông Pắc, Cư M'gar; người Giarai ở Ea Súp, Ea H'Leo; người Mnông ở huyện Lắk,...

Dân tộc Kinh sinh sống đan xen cùng các DTTS tại chỗ, tập trung ở thành phố Buôn Ma Thuột cũng như hầu khắp các huyện trong tỉnh. Các DTTS di cư đến từ các tỉnh miền núi phía

Bắc như Thái, Tày, Nùng, Mông, Dao,... cư trú chủ yếu ở các huyện vùng xa, vùng giáp ranh biên giới. Do quá trình di cư của các dân tộc ở khu vực khác đến tỉnh Đắk Lắk qua nhiều thời kì nên số dân và thành phần dân tộc ở đây có sự biến động liên tục, mạnh nhất là từ sau năm 1975 với ba giai đoạn. Giai đoạn 1975 - 1996 có 103.095 hộ với 473.857 nhân khẩu di cư đến Tây Nguyên, trong đó Đắk Lắk chiếm tỉ lệ lớn [12]; giai đoạn 1997 - 2004 số người DTTS di cư đến Đắk Lắk là 17.328 hộ với 91.749 nhân khẩu. Trong vòng 15 năm (2005 - 2020), Đắk Lắk có khoảng 1.800 hộ dân với gần 9.000 nhân khẩu di dân tự do đến cư trú tại địa bàn các huyện: Ea Súp (trên 900 hộ với 4.700 khẩu), Krông Bông (390 hộ với trên 1.800 khẩu); M'Đrắk (222 hộ với gần 1.000 nhân khẩu) [4]. Quá trình di cư ồ ạt và với số lượng lớn đã tạo nên sự đa dạng về dân cư, dân tộc, đó cũng là một nguồn lực quan trọng nhưng cũng đặt ra những yêu cầu trong việc hoạch định và thực hiện CSĐT ở tỉnh Đắk Lắk.

3.1.2. Về kinh tế, văn hóa - xã hội

Trong những năm qua, kinh tế Đắk Lắk đã có những chuyển biến quan trọng, tốc độ tăng trưởng kinh tế hằng năm đạt 8,75%, quy mô của nền kinh tế tăng trưởng khá. Tuy nhiên, so với các thành phố, thị xã trong tỉnh, vùng đồng bào DTTS tỉnh Đắk Lắk vẫn chậm phát triển, trình độ phát triển KT-XH còn ở mức thấp và tình trạng chênh lệch giàu nghèo khá lớn giữa người Kinh với đồng bào các DTTS và ngay trong nội bộ đồng bào DTTS với nhau.

Hiện nay, toàn tỉnh có 1.001 trường học từ mầm non đến trung học phổ thông; năm học 2023 - 2024, tỉnh Đắk Lắk có 172.007 học sinh là người đồng bào DTTS, chiếm tỉ lệ 36,05%. Tỉ lệ trẻ em DTTS trong độ tuổi mẫu giáo được chăm sóc, giáo dục tại các cơ sở giáo dục mầm non đến năm 2024 là 82,4%; Tỉ lệ học sinh DTTS đi học

đúng độ tuổi đến năm 2024 bậc tiểu học là 97,25%, bậc trung học cơ sở là 93,1%; bậc trung học phổ thông là 69,7% [5]. Kết quả giáo dục học sinh DTTS hoàn thành chương trình lớp học đạt 97,64%; học sinh DTTS hoàn thành chương trình tiểu học đạt 99,13%. Việc thực hiện chế độ chính sách cho học sinh DTTS được triển khai đầy đủ, kịp thời như cấp học bổng, hỗ trợ chi phí học tập, chế độ cho học sinh dân tộc nội trú, học sinh ở bộ phận bán trú dân nuôi. Việc thực hiện đưa tiếng nói, chữ viết và truyền thống văn hóa tốt đẹp của các dân tộc vào chương trình giảng dạy được quan tâm.

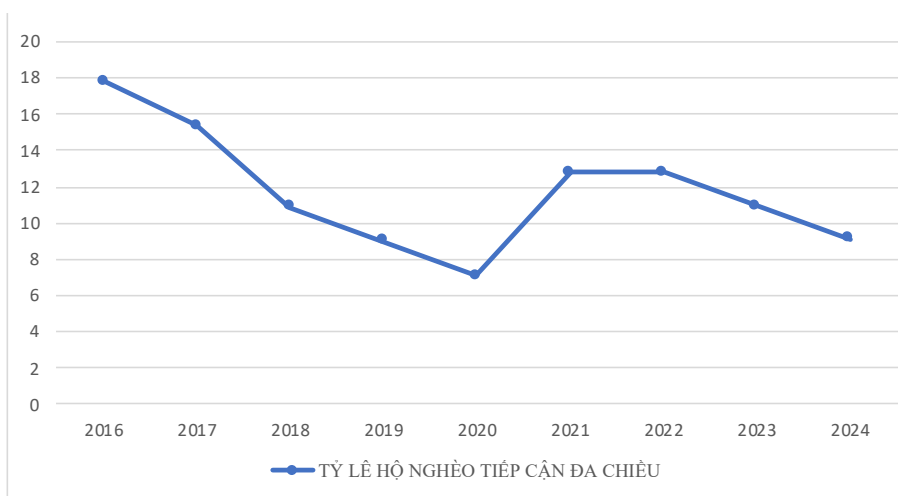
Cộng đồng các dân tộc ở Đắk Lắk có bản sắc văn hóa phong phú và độc đáo, đây cũng là nơi lưu giữ được nhiều di sản văn hóa vật thể và phi vật thể, có giá trị lịch sử và mỹ thuật độc đáo như nhà dài, nhà rông, đàn đá, tượng nhà mồ, các lễ hội và kho tàng sử thi,... Đặc biệt là di sản nổi tiếng “Không gian văn hóa cồng chiêng Tây Nguyên” đã được UNESCO công nhận là kiệt tác di sản truyền khẩu và phi vật thể của nhân loại. Bên cạnh việc gìn giữ những giá trị văn hóa truyền thống, đồng bào các dân tộc ở Đắk Lắk đã loại bỏ dần tập quán, tín ngưỡng, hủ tục, thay vào đó các yếu tố văn hóa tiến bộ. Số lượng người có uy tín đông (số lượng người có uy tín được công nhận ở Đắk Lắk: năm 2021 có 1.021 người, năm 2022 có 967 người, năm 2023 có 942 người, năm 2024 có 921 người (số liệu được tổng hợp từ các báo cáo hằng năm của Ban Dân tộc tỉnh Đắk Lắk).

Tuy nhiên, trong những năm gần đây, do sự tác động của kinh tế thị trường, nhiều giá trị bản sắc văn hóa của đồng bào các dân tộc tỉnh Đắk Lắk đang có những biểu hiện mai một, thậm chí là biến dạng một cách nghiêm trọng, trên các lĩnh vực về phong tục, ngôn ngữ, trang phục, kiến trúc nhà cửa... một số hủ tục, lối sống lạc hậu bị dẹp bỏ nay lại có cơ hội trỗi dậy. Việc

tuân thủ theo những quy định lâu đời của luật tục lạc hậu trong suốt hàng trăm năm trong xã hội truyền thống đã khiến một bộ phận cư dân người DTTS ngại thay đổi, sợ cái mới do vậy bà con dân tộc vẫn có thái độ dè dặt, không mặn mà với các chính sách mới.

Cộng đồng các dân tộc tại tỉnh Đắk Lắk có 4 tôn giáo chính là Công giáo, Phật giáo, Tin lành, Cao đài với 829 cơ sở và nhóm sinh hoạt tôn giáo (351 cơ sở chính thức, 478 nhóm sinh hoạt tập trung chưa chính thức), có 609.592 tín

đồ, chiếm khoảng 32% dân số, trong đó tín đồ là người DTTS có trên 247.000 người [13]. Việc thực hiện quyền tự do tôn giáo của đồng bào DTTS luôn được các cấp chính quyền tỉnh Đắk Lắk đảm bảo. Tuy nhiên trong thời gian gần đây, một bộ phận giáo dân nghe theo lời xúi giục của các phần tử phản động đã có những việc làm sai trái, tuyên truyền kêu gọi đồng bào DTTS không thực hiện theo hướng dẫn của cán bộ địa phương, gây khó khăn cho việc thực hiện CSĐT.



Hình 1. Tỷ lệ hộ nghèo tiếp cận đa chiều giai đoạn 2016 - 2024 tỉnh Đắk Lắk (đơn vị: %)

Việc thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia về xóa đói giảm nghèo đã đạt được những kết quả tích cực và liên tục, tuy nhiên số hộ nghèo, hộ cận nghèo vẫn còn cao. Tổng số hộ cận nghèo toàn tỉnh là 34.230 hộ, số hộ cận nghèo DTTS là 18.957 hộ, chiếm tỉ lệ 55,4% số hộ cận nghèo toàn tỉnh [8]. Tỷ lệ hộ nghèo tiếp cận đa chiều giai đoạn 2016 - 2024 có giảm nhưng tốc độ ngày càng chậm và thậm chí tăng trở lại sau nhiều năm giảm [5].

Ngoài ra, trong đời sống của đồng bào DTTS đang bị xâm nhập và chi phối bởi các tệ nạn xã hội; nạn phá rừng lấy đất canh tác, tranh chấp đất đai, ô nhiễm môi trường sinh thái; các thế lực thù địch kích động chia rẽ đoàn kết, kì thị giữa các dân tộc, thực hiện âm mưu lợi dụng vấn

đề dân tộc, tôn giáo gây ra những bất ổn xã hội. Những yếu tố đó tạo nên những rào cản trong quá trình thực hiện CSĐT tại vùng đồng bào DTTS tỉnh Đắk Lắk.

3.2. Thực trạng thực hiện chính sách dân tộc ở tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2014 - 2024

Hiện nay hệ thống chính sách dân tộc của Đảng, Nhà nước ta rất đồ sộ. Theo thống kê, Quốc hội đã ban hành 97 luật, bộ luật, với gần 300 điều có liên quan đến công tác dân tộc; có 188 chính sách thực hiện ở vùng DTTS và miền núi đang còn hiệu lực do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành [2].

Trong giai đoạn 2014 - 2024, trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk đã và đang triển khai nhiều chính sách, chương trình, dự án về DTTS, đặc biệt là các

chương trình mục tiêu quốc gia như Chương trình phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS và miền núi (Theo Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021), Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 (Theo Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18/1/2022). Chỉ tính riêng giai đoạn từ năm 2016 - 2021 đã có 26 văn bản là các chỉ thị, nghị quyết, quyết định, chương trình triển khai, quán triệt và hướng dẫn các chính sách. HĐND, UBND tỉnh cũng có những Nghị quyết, Chương trình, Quyết định thực hiện những chính sách cụ thể đối với đồng bào DTTS nhằm triển khai thực hiện công tác dân tộc, CSĐT và nhiều văn bản chỉ đạo, điều hành công tác chuyên môn của Ban Dân tộc; thường xuyên giám sát, kiểm tra tình hình, tiến độ và kịp thời chỉ đạo xử lý, giải quyết khó khăn, vướng mắc trong công tác dân tộc, nhất là việc triển khai thực hiện Chương trình. Trên cơ sở đó, UBND các huyện, thị xã, thành phố đã chủ động xây dựng, ban hành kế hoạch thực hiện chương trình tại địa phương.

3.2.1. Thành tựu

- *Về kinh tế:* đến giữa năm 2024, KT-XH của tỉnh tiếp tục duy trì phát triển và đạt được những kết quả đáng ghi nhận: giá trị tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh ước đạt 25.493 tỉ đồng, tăng 4,13% so với cùng kỳ năm 2023; tổng kim ngạch xuất khẩu ước đạt 495 triệu USD, tăng 29,1% so với cùng kỳ năm 2023 [5]. Kết quả đó đã góp phần có tác động tích cực lên các vấn đề xã hội, nhất là trong vùng đồng bào DTTS.

- *Về xã hội:* Thực hiện chương trình xóa đói giảm nghèo và chương trình mục tiêu quốc gia phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS và miền núi, tỉnh Đắk Lắk đã có những biện pháp đa dạng, thiết thực do đó công tác xóa đói giảm nghèo trên địa bàn tỉnh có những chuyển biến nhanh chóng, số lượng và tỉ lệ hộ nghèo giảm nhanh qua các năm. Tỉ lệ hộ nghèo trong vùng

đồng bào DTTS năm 2024 đã giảm được 3,38%, từ 23,08% xuống còn 19,7% (so với mức 46,19% năm 2003 và 59,9% năm 2005) [5], số hộ nghèo giảm được 4.753 hộ, từ 35.982 hộ xuống còn 31.229 hộ [6].

- *Về y tế:* Cùng với công tác xóa đói, giảm nghèo thì công tác chăm sóc sức khỏe, khám chữa bệnh, tuyên truyền vận động kế hoạch hóa gia đình,... cho đồng bào DTTS được chú trọng, công tác vệ sinh phòng dịch vùng DTTS đã được triển khai kịp thời, có hiệu quả. Tính đến thời điểm hiện tại (2024), 100% đồng bào DTTS là hộ nghèo được cấp bảo hiểm y tế [7].

- *Về văn hóa:* Cùng với sự đi lên về đời sống vật chất, mức thụ hưởng về các giá trị văn hóa tinh thần của nhân dân các dân tộc trong tỉnh cũng được nâng lên. Các lễ hội đã thu hút đông đảo quần chúng nhân dân hưởng ứng, tạo không khí vui tươi, lành mạnh, phấn khởi, góp phần nâng cao nhận thức, gìn giữ, phát huy các giá trị văn hóa truyền thống của các dân tộc trên địa bàn tỉnh, tăng cường mối giao lưu trong sinh hoạt văn hóa cộng đồng, tăng cường khối đại đoàn kết dân tộc.

Ngành văn hóa đã triển khai mở lớp tập huấn, hướng dẫn truyền dạy văn hóa truyền thống xây dựng mô hình câu lạc bộ văn hóa truyền thống của dân tộc Tày, Nùng, Mường tại nhiều nơi, tiêu biểu như tại xã Ea Kao, thành phố Buôn Ma Thuột. Các lễ hội truyền thống được quan tâm phục dựng; các ngày hội thể thao khu vực, của từng dân tộc thường xuyên được tổ chức...

- *Về cán bộ người DTTS:* Trong công tác xây dựng, phát triển đội ngũ cán bộ người DTTS nhằm xây dựng và tạo nguồn cán bộ, hằng năm UBND tỉnh chỉ đạo các cơ quan đơn vị trên cơ sở chỉ tiêu biên chế cần có chính sách ưu tiên, ưu đãi khi thi tuyển dụng, cộng điểm ưu tiên cho các sinh viên thuộc diện nêu trên khi tham gia thi tuyển hoặc xét tuyển. Kết quả, từ năm 2016

- 2023, đã tuyển dụng 1.149/7.049 cán bộ, công chức, viên chức là người DTTS, trong đó chủ yếu là viên chức ngành giáo dục và ngành y tế. Việc quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, luân chuyển, điều động cán bộ, công chức, viên chức là người DTTS được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

Việc bố trí sắp xếp và sử dụng cán bộ DTTS trên cơ sở công tác quy hoạch cán bộ, các cấp ủy đảng đã chú trọng bố trí cán bộ phù hợp với trình độ chuyên môn, chuyên ngành đào tạo nhằm phát huy có hiệu quả đội ngũ cán bộ DTTS trong giai đoạn công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

- *Về an ninh - quốc phòng*: Công tác an ninh quốc phòng ở vùng DTTS luôn được cấp ủy, chính quyền và lực lượng vũ trang các cấp chủ động nắm tình hình, phòng ngừa, đấu tranh có hiệu quả với các đối tượng phản động, chống đối. Tại khu vực biên giới của tỉnh Đắk Lắk có 4 xã thuộc 2 huyện gồm: xã Ia R'vê, Ia Lốp, Ea Bung (huyện Ea Súp) và xã Krông Na (huyện Buôn Đôn) - giáp với tỉnh Mondulkiri của vương quốc Campuchia. Đây là địa bàn có 6.469 hộ với 22.920 nhân khẩu thuộc 26 dân tộc khác nhau. Tại đây, các lực lượng vũ trang thường xuyên tuần tra, bám sát địa bàn, nhất là tuyến biên giới. Do vậy, tình hình an ninh trên các lĩnh vực cơ bản được đảm bảo, tội phạm hình sự được kiểm soát.

3.2.2. Hạn chế và nguyên nhân

- Số hộ nghèo trong đồng bào DTTS vẫn còn cao, số hộ thoát nghèo nhưng chưa thực sự bền vững. Nguy cơ tái nghèo, đói giáp hạt khi có thiên tai, dịch bệnh vẫn còn xảy ra. Một bộ phận đồng bào DTTS có mức sống thấp, thu nhập bình quân đầu người dưới mức trung bình; việc áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất còn chậm, lúng túng trong việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi; một số làng nghề

truyền thống tuy được đầu tư khôi phục như dệt thổ cẩm nhưng hoạt động chưa hiệu quả.

- Chất lượng giáo dục trong học sinh DTTS nhìn chung còn thấp, đào tạo nghề chưa được quan tâm đúng mức. Các dịch vụ chăm sóc sức khỏe cho đồng bào DTTS còn hạn chế, khó khăn. Một số lễ hội truyền thống của đồng bào DTTS chưa được duy trì thường xuyên, công tác bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa các dân tộc đạt kết quả chưa cao. Mức hưởng thụ văn hóa còn thấp, tập tục lạc hậu, mê tín dị đoan chưa được bãi bỏ hoàn toàn, trình độ đội ngũ cán bộ, công chức còn thấp so với mặt bằng chung; tỉ lệ cán bộ, công chức là người DTTS chưa đạt so với quy định của Thủ tướng Chính phủ.

- Trình độ dân trí của một bộ phận dân cư nông thôn, đặc biệt là vùng sâu, vùng đồng bào DTTS, vùng giáp biên giới còn rất thấp, không ít người dân chưa phân biệt rõ được giữa quyền lợi với trách nhiệm, dẫn đến những hành vi sai lệch, việc tiếp thu và thực hiện chủ trương, đường lối, chính sách về dân tộc còn những hạn chế, bất cập. Do chất lượng nguồn nhân lực thấp đã trở thành một trong những khó khăn trong triển khai thực hiện CSĐT trên địa bàn tỉnh.

- Hoạt động của hệ thống chính trị cơ sở một số nơi chưa thật sự vững mạnh, thiếu sâu sát, chưa làm tốt công tác tuyên truyền, vận động nên một bộ phận người DTTS chưa hiểu rõ chính sách của Đảng và Nhà nước. Tỉnh đã tăng cường phân cấp đầu tư cho các địa phương, nhưng có lúc, có nơi thực hiện chưa tốt, làm ảnh hưởng nhất định đến hiệu quả của các chính sách.

- Một số nơi tôn giáo hoạt động trái pháp luật, đi ngược lại truyền thống văn hoá của các dân tộc nhưng chưa được ngăn chặn, xử lý kịp thời. An ninh chính trị vùng đồng bào DTTS vẫn tiềm ẩn những nguy cơ bất ổn (điển hình là Vụ bạo

loạn ở xã Ea Tiêu và Ea Ktur thuộc huyện Cư Kuin ngày 11/6/2023).

- Bộ phận người DTTS di cư với số lượng lớn từ các tỉnh phía Bắc đến Đắk Lắk trong những năm vừa qua với những đặc trưng riêng về văn hóa, phong tục tập quán đã có những tác động về mặt xã hội, gây khó khăn trong việc xác định thành phần, đối tượng thụ hưởng, địa bàn thụ hưởng trong thực hiện CSDT.

3.3. Một số giải pháp tăng cường hiệu quả thực hiện chính sách dân tộc

Để tăng cường hơn nữa tính hiệu quả và khắc phục những mặt hạn chế trong quá trình thực hiện CSDT ở tỉnh Đắk Lắk, thiết nghĩ cần phải tiến hành đồng bộ một số giải pháp:

Thứ nhất, tiếp tục tăng cường công tác tuyên truyền vận động đồng bào các DTTS, nhất là đội ngũ người có uy tín trong thực hiện CSDT. Đặc biệt chú ý làm tốt công tác tuyên truyền, vận động đối với già làng, trưởng bản, những người có uy tín về quan điểm, chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về vấn đề dân tộc, góp phần ổn định tư tưởng cho nhân dân yên tâm phát triển kinh tế, xóa đói giảm nghèo. Thực tế đã chứng minh người có uy tín trong vùng đồng bào DTTS là hạt nhân xây dựng khối đoàn kết dân tộc, góp phần tích cực vào hệ thống chính trị, giữ vững quốc phòng - an ninh. Tiếp tục thông qua người có uy tín để tăng cường đoàn kết dân tộc, chống kì thị, chống tư tưởng ly khai, tự trị, chống âm mưu chia rẽ người Kinh với người DTTS, giúp nhau làm ăn, phát triển kinh tế.

Thứ hai, xây dựng quan hệ dân tộc hài hòa, đoàn kết, tôn trọng, bình đẳng, hợp tác và giúp nhau cùng phát triển giữa cán bộ người Kinh với cán bộ người DTTS. Trong quá trình phát triển KT-XH, vai trò của cán bộ người DTTS là hết sức quan trọng và không thể thay thế, chính vì vậy để tạo ra sự đồng thuận xã hội, trong công tác cán bộ phải đảm bảo về quyền tham chính

của đồng bào DTTS trong quản lý xã hội và trong xây dựng đất nước. Việc xây dựng quan hệ dân tộc hài hòa, đoàn kết, tranh thủ được sự đồng thuận, ủng hộ của đồng bào quần chúng nhân dân là chìa khóa quan trọng quyết định sự thành công của CSDT.

Thứ ba, chú trọng làm tốt công tác tạo nguồn đi đôi với nâng cao trình độ chuyên môn, năng lực và khả năng tổ chức thực tiễn của cán bộ người DTTS. Thực hiện các chính sách phát triển giáo dục tạo nguồn cán bộ DTTS; đẩy mạnh hoạt động đào tạo và đào tạo lại cho cán bộ DTTS; phát triển và củng cố các trường, các trung tâm giáo dục từ cấp trung học đến đại học, có chính sách thu hút hấp dẫn và dài hạn cho sinh viên DTTS hoàn thành chương trình đào tạo trở về quê hương cống hiến, tạo nguồn cán bộ DTTS chất lượng cao.

Thứ tư, kết hợp CSDT với chính sách tôn giáo để thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước về tôn giáo trong vùng DTTS đảm bảo an ninh chính trị, an toàn xã hội; tỉnh Đắk Lắk cần tập trung hơn nữa cho công tác xây dựng, phát triển cốt cán là các chức sắc tôn giáo và tín đồ để từng bước vận động các tổ chức tôn giáo hoạt động đúng đường hướng, vận động chức sắc và tín đồ sống tốt đời đẹp đạo.

Thứ năm, đẩy mạnh xây dựng thể trận quốc phòng toàn dân gắn với thể trận an ninh nhân dân, kết hợp phát triển kinh tế với bảo vệ an ninh quốc phòng: Đắk Lắk nằm ở trung tâm của khu vực Tây Nguyên, hội tụ đủ cả 3 yếu tố là “dân tộc”, “tôn giáo” và “biên giới”, vì vậy cần đẩy mạnh “thể trận lòng dân” trọng tâm là xây dựng cơ sở xã, phường vững mạnh về quốc phòng, an ninh, nhất là các vùng trọng điểm trên địa bàn tỉnh. Tiếp tục thực hiện các dự án định canh, định cư giúp nhân dân các DTTS phát triển kinh tế dọc tuyến biên giới phù hợp với phương hướng phát triển kinh tế và quốc phòng, góp

phần bảo vệ vững chắc biên giới thiêng liêng của Tổ quốc.

4. KẾT LUẬN

Đắk Lắk là tỉnh đa dân tộc, đa tôn giáo, là địa bàn có vị trí chiến lược quan trọng về chính trị, quốc phòng, an ninh của cả nước. Trong 10 năm qua dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo chính quyền các cấp, việc thực hiện công tác dân tộc trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk là một trong những động lực chính thúc đẩy phát triển KT-XH theo hướng tích cực, góp phần giữ vững quốc phòng - an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, qua đó nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho đồng bào vùng DTTS. Những quyết sách đúng đắn trong thực

hiện chính sách dân tộc đã góp phần xây dựng và củng cố ngày càng vững chắc hệ thống chính trị cơ sở vùng DTTS, tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc giữa nhân dân các dân tộc trên địa bàn toàn tỉnh...

Tuy vẫn còn một số hạn chế tồn tại nhất định cần giải quyết trong thời gian tới song những kết quả đạt được trong thực hiện chính sách dân tộc ở tỉnh Đắk Lắk trong giai đoạn 2014 - 2024 là rất quan trọng. Đó là cơ sở, là bàn đạp để tỉnh tiếp tục nâng cao hiệu quả thực hiện chính sách dân tộc của Đảng, Nhà nước tại địa phương, góp phần xây dựng và bảo vệ vững chắc đất nước trong tình hình mới hiện nay.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban chỉ đạo Tây Nguyên (2014). Báo cáo tình hình thực hiện một số chính sách ổn định dân di cư tự do đến Tây Nguyên (từ năm 2005 đến năm 2013). Đắk Lắk.
2. Báo điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam: <https://dangcongsan.vn/bao-dam-quyen-cho-nguoi-dan-toc-thieu-so/tin-tuc/viet-nam-co-136-chinh-sach-dan-toc-dang-duoc-thuc-thi-645543.html>. Truy cập ngày 22/6/2024.
3. Mai Thanh Sơn (2011). Chính sách đất đai và văn hóa tộc người (nghiên cứu trường hợp tại Đắk Lắk). Nxb Thế giới, Hà Nội.
4. Nguyễn Công Lý (2023). Đắk Lắk nỗ lực sắp xếp ổn định đời sống dân di cư tự do. Báo Nhân dân điện tử, 10/9/2023, truy cập ngày 22/6/2024.
5. Phạm Hào (CB) (2017). Một số giải pháp góp phần ổn định và phát triển ở Tây Nguyên hiện nay. Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
6. Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 10/12/2010 của tỉnh Đắk Lắk về kế hoạch phát triển kinh tế xã hội 5 năm 2010-2015.
7. Nghị quyết số 137/2014/NQ-HĐND của Hội đồng Nhân dân tỉnh về Rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế-xã hội đến năm 2020, định hướng đến năm 2030.
8. Nghị quyết số 186/NQ-HĐND ngày 07/1/2016 của Hội đồng Nhân dân tỉnh về kế hoạch phát triển kinh tế xã hội, đảm bảo an ninh quốc phòng tỉnh Đắk Lắk 5 năm giai đoạn 2016-2020.
9. UBND tỉnh Đắk Lắk (2024). Báo cáo kết quả thực hiện chính sách dân tộc 6 tháng đầu năm 2024. Đắk Lắk.
10. UBND tỉnh Đắk Lắk (2020). Báo cáo tổng kết thực hiện Nghị quyết 80/NQ-CP của Chính phủ về định hướng giảm nghèo bền vững từ năm 2011 đến năm 2020. Đắk Lắk, 8/2020
11. UBND tỉnh Đắk Lắk (2021). Báo cáo kết quả thực hiện Nghị định số 05/2011/NĐ-CP, ngày 14/11/2011 của Chính phủ về công tác dân tộc từ năm 2016 đến nay, số 195/BC-UBND, ngày 29/7/2021.
12. UBND tỉnh Đắk Lắk (2024). Báo cáo kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2023. Đắk Lắk, 7/2024.
13. Tạp chí Tuyên giáo điện tử (2024). Mối quan hệ giữa tôn giáo và văn hóa truyền thống của đồng bào DTTS ở Đắk Lắk. Truy cập ngày 22/6/2024.

Thông tin tác giả:

Văn Nam Thắng - Nghiên cứu sinh, Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế.
Địa chỉ: 77 - Nguyễn Huệ, Thành phố Huế
Email: vannamthang999@gmail.com; Điện thoại: 0789.035.999

Nhật kí tòa soạn:

Ngày nhận bài: 4/8/2024
Biên tập: 9/2023